

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 3 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thảo N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông A, sinh năm 1987. Nơi cư trú: 2107 Devere Dr. Sterling Hts 48310 MI, USA. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2021, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và xin vắng mặt ngày 15/10/2021 nguyên đơn Nguyễn Ngọc Thảo N trình bày như sau: Qua quen biết và sau thời gian tìm hiểu, bà N và ông A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2018. Sau khi hết hôn vợ chồng sống tại Việt Nam đến khoảng tháng 11/2018 thì ông A về Hoa Kỳ sinh sống còn bà N ở lại Việt Nam, kể từ khi ông A về Hoa Kỳ sinh sống, ông không về Việt Nam thăm vợ, con từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy vợ chồng sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lao Phú T, sinh ngày 12/11/2018, hiện do bà N nuôi dưỡng, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn A: Ngày 29/4/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Công văn số 63/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho ông A. Ngày 17/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 3534/BTP-PLQT ngày 21/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp do ông A không còn ở địa chỉ được yêu cầu.

Ngày 21/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Thảo N cung cấp địa chỉ khác của bị đơn A do không thực hiện được việc tổng đạt cho ông A theo địa chỉ trước đây nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên, bà N có bằng tường trình về việc không cung cấp được địa chỉ khác của ông A và yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với ông A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5).

Ngày 25/01/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 22/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đài tiếng nói Việt Nam đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn A 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho ông A đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 25/02/2022, nếu ông A vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 10/3/2022 nhưng đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông A và ông A cũng không có mặt tại phiên xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thảo N, cho bà N được ly hôn với ông A; Về con chung: Giao cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lao Phú T, sinh ngày 12/11/2018, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; bà N phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Thảo N và ông A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc Thảo N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên, hồ sơ ủy thác tư pháp không thực hiện được do ông A không còn sinh sống tại địa chỉ cần được ủy thác, do đó, Tòa án tiến hành đăng tin thông báo đối với ông A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông A và ông A cũng không có mặt tại Việt Nam để tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không giải quyết tài sản chung, nợ chung của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2018 thì bà N và ông A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà N và ông A là hợp pháp.

Bà N xác định sau khi hết hôn, vợ chồng sống tại Việt Nam đến khoảng tháng 11/2018 thì ông A về Hoa Kỳ sinh sống còn bà N ở lại Việt Nam, kể từ khi ông A về Hoa Kỳ sinh sống, ông không về Việt Nam thăm vợ, con từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy vợ chồng sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông A. Xét thấy, bà N và ông A không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà N sống ở Việt Nam còn ông A sống ở Hoa Kỳ, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do bà N và ông A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà N ly hôn ông A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định trong thời gian sống chung, bà N và ông A có 01 con chung tên Lao Phú T, sinh ngày 12/11/2018, hiện do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, từ khi cháu Thành được sinh ra, cháu Thành sống chung với bà N, cháu Thành chưa từng sống chung với ông A. Do đó, giao cháu Lao Phú T, sinh ngày 12/11/2018 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: bà Nguyễn Ngọc Thảo N phải chịu án phí và chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm đ khoản 1 Điều 469; điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Thảo N.

- Về hôn nhân: cho bà Nguyễn Ngọc Thảo N được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Giao con chung tên Lao Phú T, sinh ngày 12/11/2018 cho bà Nguyễn Ngọc Thảo N tiếp tục nuôi dưỡng, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Thảo N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003327 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Ngọc Thảo N đã nộp xong.

- Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc Thảo N phải chịu tiền lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003334 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Nguyễn Ngọc Thảo N đã nộp xong.

Bà Nguyễn Ngọc Thảo N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp là 95 USD (Chín mươi lăm đô la Mỹ), bà Nguyễn Ngọc Thảo N đã nộp xong.

Bà Nguyễn Ngọc Thảo N phải chịu chi phí đăng tin thông báo là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), bà Nguyễn Ngọc Thảo N đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H.TÔ: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

Nguyễn Thị Tư